

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len

2. Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Phan Thanh T** – sinh năm 1986;

ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Chị Vũ Thị M** – sinh năm 1992;

ĐKHKTT: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Hiện đang du học tại Nhật Bản.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là anh Phan Thanh T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp để duy trì cuộc hôn nhân nhưng cả hai không tìm tiếng nói chung, tình cảm lạnh nhạt dần. Đến tháng 8/2018, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Đến năm 2019, chị M tự ý đi du học tại Nhật Bản mà không hỏi ý kiến anh, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc. Anh và gia đình chị M không biết rõ địa chỉ của chị M đang ở đâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Vũ Thị M có một con chung là Phan Thảo V - sinh ngày 17/9/2016. Hiện con chung đang ở với anh T. Ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện chị M không có mặt tại Việt Nam. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về quan hệ tài sản: Anh và chị Vũ Thị M, không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai đối với mẹ đẻ chị M là bà Nguyễn Thị Á trình bày: Anh T, chị M tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình từ năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh T và chị M sống ly thân từ tháng 8/2018 đến năm 2019 thì chị M sang du học tại Nhật Bản, vợ chồng chấm dứt mọi liên hệ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, đã giao các văn bản của Tòa án cho gia đình bà và gia đình bà đã thông báo ngay lại cho chị M. Chị M có trao đổi lại với ông bà là chị M đồng ý ly hôn anh T. Chị M đồng ý việc anh T trực tiếp nuôi con chung là Phan Thảo V - sinh ngày 17/9/2016 và đồng ý việc anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà không rõ địa chỉ cụ thể của chị M ở Nhật Bản nên không cung cấp cho Tòa án nhưng chị M thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà cam đoan sẽ thông báo các nội dung văn bản của Tòa án cho chị M.

Tại các biên bản xác minh, đại diện UBND xã H, huyện H cung cấp như sau: Anh T, chị M tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 14/9/2015. Mâu thuẫn của vợ chồng chính quyền địa phương

không biết rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung. Anh T, chị M đều đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Phan Thanh T được ly hôn chị Vũ Thị M. Giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là chị Vũ Thị M đang cư trú tại Nhật Bản, chị M vẫn liên lạc về gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nên bà Nguyễn Thị Á - mẹ đẻ chị M không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ chị M để xác minh địa chỉ của chị M, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho bà Á, yêu cầu bà thông báo cho chị M các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay chị M vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn anh Phan Thanh T có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã H, Cục xuất nhập cảnh Bộ Công An về việc chị M đã xuất cảnh, vì vậy thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh T, chị M tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến năm 2019 thì chị M sang du học tại Nhật Bản, đến nay chưa về nước, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Bà Á là mẹ đẻ chị M trình bày: chị M đã biết việc anh T xin ly hôn và chị đồng ý ly hôn, chị M không về Việt Nam để làm việc với Tòa án, không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với anh T.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh T, chị M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho anh T được ly hôn chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T, chị M có một con chung là Phan Thảo Vân - sinh ngày 17/9/2016. Tại biên bản làm việc với bà Át là mẹ đẻ chị M, bà trình bày chị M đồng ý việc anh T trực tiếp nuôi con chung và đồng ý việc anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị M không có mặt tại Việt Nam và đồng ý việc giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Do đó cần xử giao con chung là Phan Thảo V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Thanh T được ly hôn chị Vũ Thị M.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Phan Thảo V - sinh ngày 17/9/2016 cho anh Phan Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Vũ Thị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị M có quyền thăm nom con chung. Chị M, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai số 0005136 ngày 15/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã H, H.Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng